

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979.

Trú tại: Số A khóm C, phường M, thành phố S.

*Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1981.

Trú tại: Khóm D, phường M, thành phố S.

Tạm trú tại: Ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà H, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật vào năm 2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ hơn 03 năm nay thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông K có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, SN 22/08/2008 và cháu Nguyễn Khanh N, SN 30/11/2015 (hiện cháu M, cháu N đang sống cùng bà H). Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu hàng tháng ông K có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng cho cháu M, cháu N mỗi cháu 2.000.000đ cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông K thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Đối với việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý do cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, SN 22/08/2008 và cháu Nguyễn Khánh N, SN 30/11/2015 (hiện cháu M, cháu N đang sống cùng bà H). Khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho cháu M, cháu N mỗi cháu 2.000.000đ cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà H thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống ông và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, xét thấy Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu không có ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông K chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông K và ông K cũng đồng ý, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp qui định pháp luật nên cần ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông K.

Về con chung: Bà H, ông K thống nhất về vấn đề con chung, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, SN 22/08/2008 và cháu Nguyễn Khánh N, SN 30/11/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà H, ông K thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà H, ông K thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa hôm nay.

Về nợ chung: Bà H, ông K thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ kiện; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn K nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông K tại thời điểm thụ lý cư ngụ tại địa bàn thành phố S nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, bà H và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông K và ông K cũng đồng ý. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp qui định pháp luật nên cần ghi nhận. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K.

[4] Về con chung: Bà H, ông K thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, SN 22/08/2008 và cháu Nguyễn Khánh N, SN 30/11/2015 (hiện hai cháu đang sống cùng bà H). Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, cháu N, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và ông K đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của bà H và ông K là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà H, ông K thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] Về nợ chung: Bà H, ông K thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[7] Về án phí: Bà H yêu cầu ly hôn với ông K nên bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đ.

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1, khoản 3 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc M, SN 22/08/2008 và cháu Nguyễn Khánh N, SN 30/11/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu M, cháu N đang sống cùng bà H). Ông Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Từ tháng 9 năm 2019 hàng tháng ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quốc M, cháu Nguyễn Khánh N mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu M, cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/. Về tài sản chung: Bà H, ông K thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000533 ngày 19/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà H, ông K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Tăng Trần Quỳnh Phương